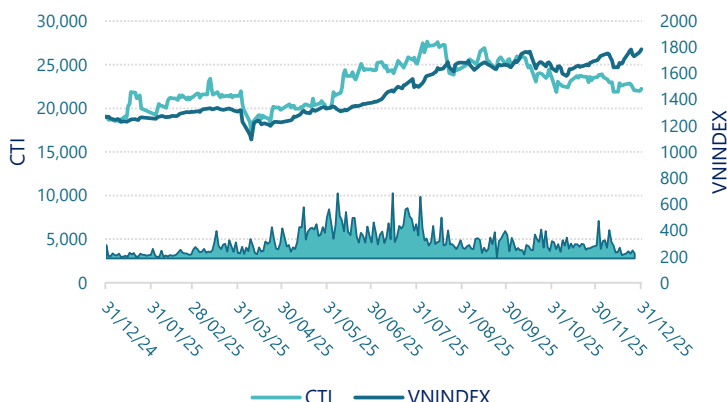


CTCP Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO (HSX: CTI)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	22,250
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	27,650
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	17,200
SL cổ phiếu LH	62,999,997
KLGD BQ 20 phiên (CP)	314,230
% sở hữu nước ngoài	2.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,402
P/E	9.5
EPS	2,336

DT thuần

Q4/25

485

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 122| 33.5%

YoY: ▲ 154| 46.4%

LN sau thuế

Q4/25

49.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 4.90| 11.0%

YoY: ▲ 23.0| 87.7%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

23.6%

+/- YoY: ▼ 4.5%

DT thuần

2025

1,478

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 366| 33.0%

LN sau thuế

2025

176

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 60.0| 51.5%

ROE

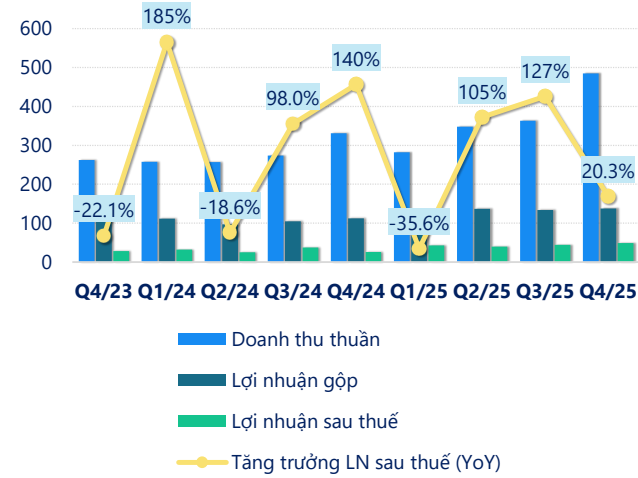
2025

8.6%

+/- YoY: ▲ 1.9%

tỷ VNĐ

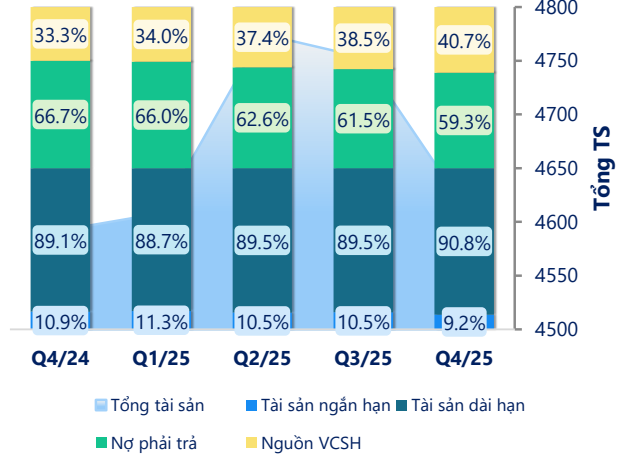
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

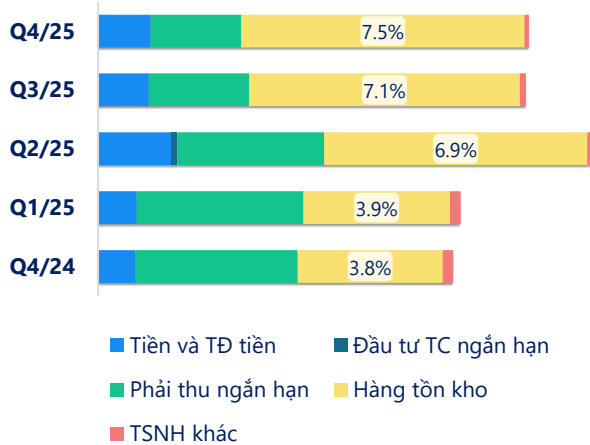
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



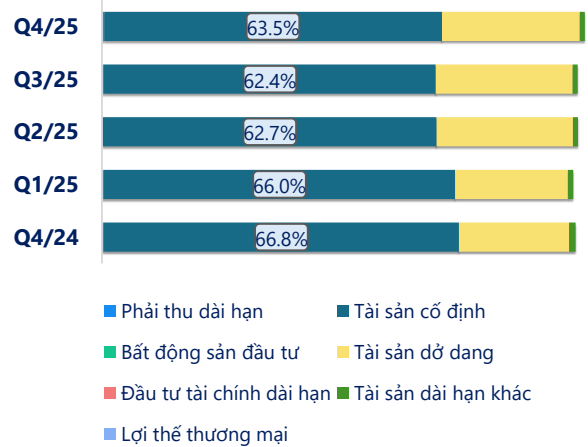
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

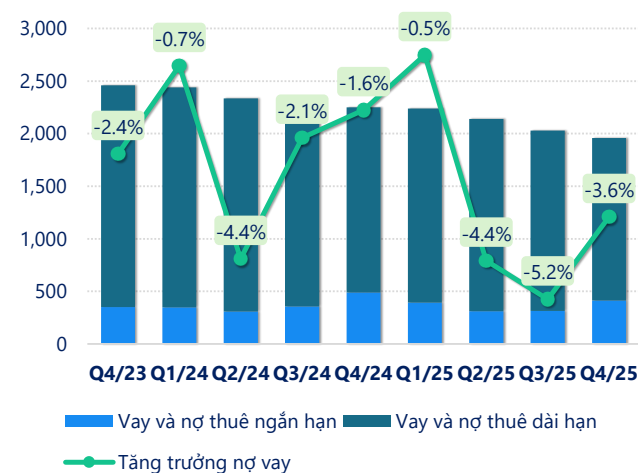
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

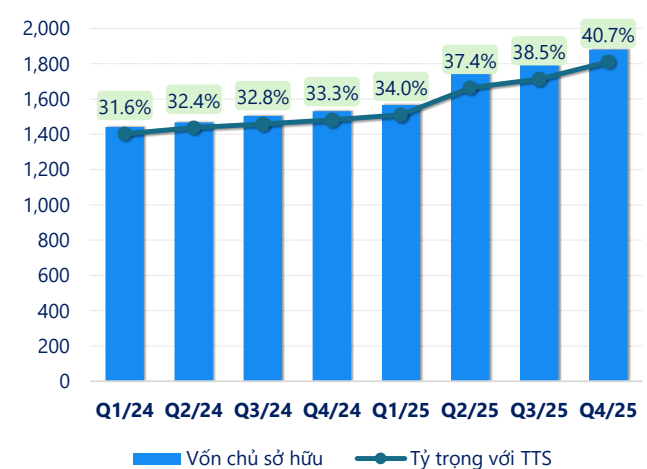
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

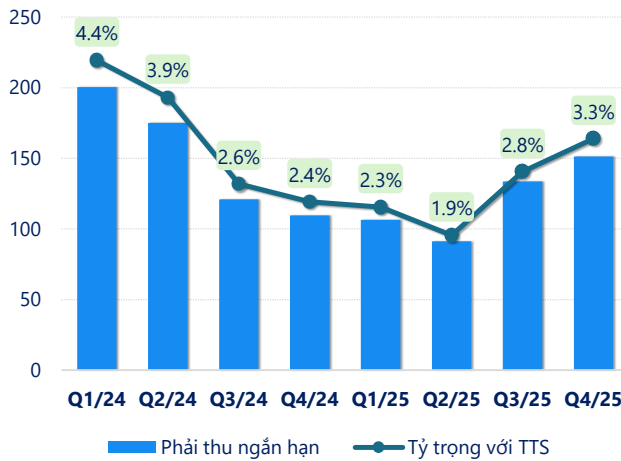
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



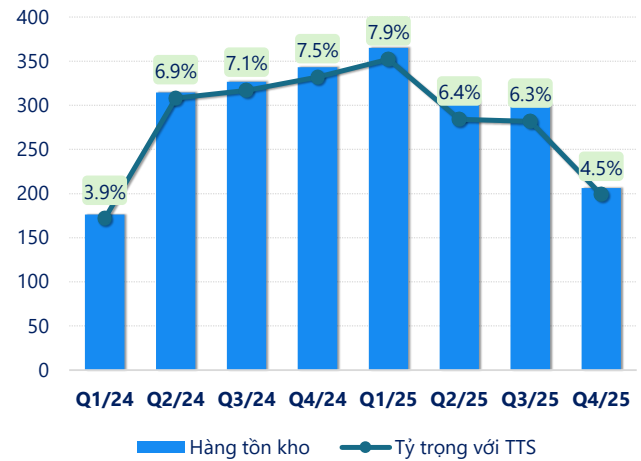
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


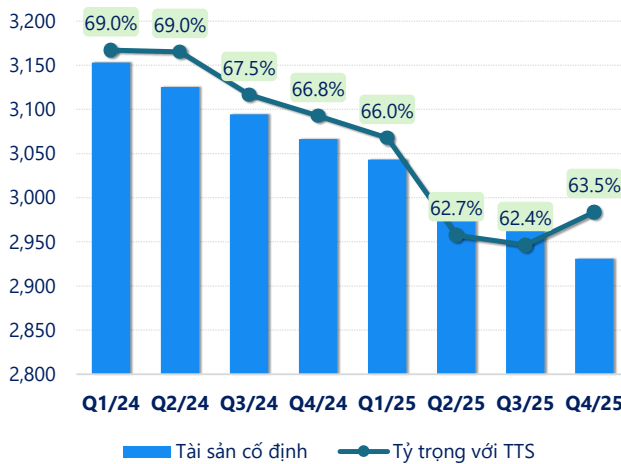
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


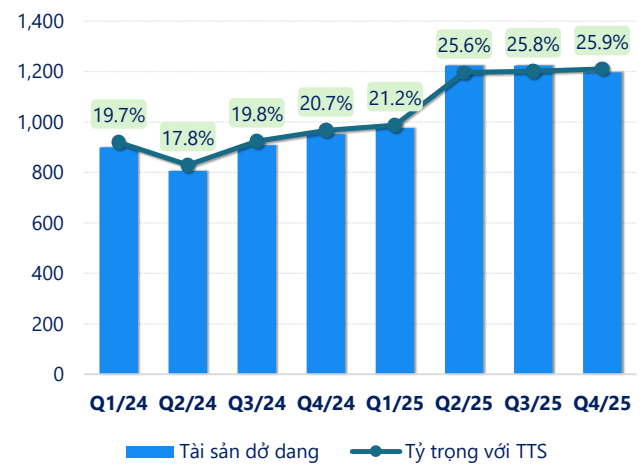
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

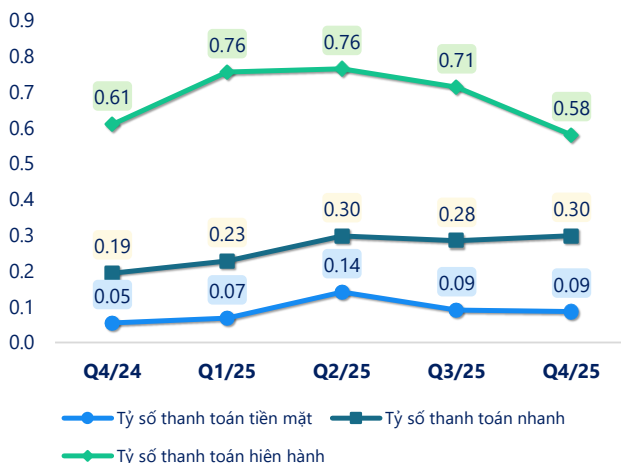
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

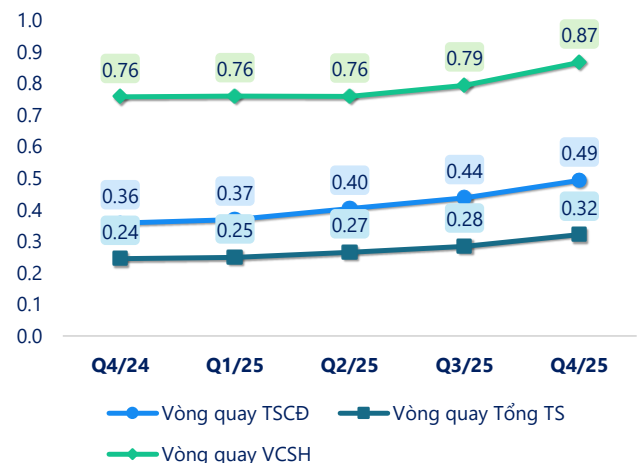
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	4,592	4,608	4,775	4,753	4,614
Tài sản ngắn hạn	503	523	499	501	425
Tiền và tương đương tiền	45.1	46.9	92.0	63.6	63.6
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	7.48	0	0
Phải thu ngắn hạn	109	106	91.2	133	151
Hàng tồn kho	343	365	305	301	206
Tài sản ngắn hạn khác	5.07	4.39	3.40	2.56	3.91
Tài sản dài hạn	4,089	4,085	4,276	4,252	4,189
Phải thu dài hạn	16.5	17.3	9.28	18.1	18.6
Tài sản cố định	3,067	3,043	2,995	2,966	2,931
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	952	976	1,224	1,224	1,197
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	54.7	48.8	46.6	43.9	42.5
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	3,062	3,042	2,987	2,921	2,734
Nợ ngắn hạn	825	692	653	702	733
Vay và nợ thuê ngắn hạn	490	394	312	315	414
Phải trả người bán ngắn hạn	153	119	104	123	155
Nợ dài hạn	2,237	2,350	2,335	2,219	2,001
Vay và nợ thuê dài hạn	1,760	1,845	1,828	1,715	1,543
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,530	1,566	1,788	1,832	1,880
Vốn chủ sở hữu	1,530	1,566	1,788	1,832	1,880
Vốn điều lệ	630	630	630	630	630
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)